

4. Biểu mẫu báo cáo định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư

Mẫu I.4.1

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/HÀNH PHỐ QUÝ NĂM

(Áp dụng đối với cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm a khoản 1 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;

Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và khoản 2 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 15 của tháng đầu quý sau quý báo cáo đối với cơ quan đăng ký đầu tư cấp tỉnh và cộng thêm 05 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có)

[CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ CẤP TỈNH/ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH]

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu quý báo cáo			Số liệu lũy kế từ đầu		
			Quý báo cáo năm trước	Quý báo cáo	So cùng kỳ (%)	Dự kiến cả năm	Năm trước	Năm báo cáo
1	2	3	4	5	6 = 5/4	7	8	9
10 = 9/8								
I	Tình hình hoạt động							
1.	Vốn thực hiện	Triệu USD						
	Trong đó, từ nước ngoài	Triệu USD						
2.	Doanh thu	Triệu USD						
3.	Xuất khẩu	Triệu USD						
4.	Nhập khẩu	Triệu USD						
5.	Lao động	Người						

6.	Nộp ngân sách	Triệu USD							
7.	Tình hình sử dụng năng lượng	kWh							
	- Điện	Tấn							
	- Than	lít							
	- Dầu	m ³							
	- Khí LNG								
	- Các loại năng lượng khác (nếu có)								
II Tình hình tiếp nhận hồ sơ									
1.	Hồ sơ dự án cấp mới	Dự án							
	- Số dự án mới	Triệu USD							
	- Vốn đăng ký								
2.	Hồ sơ dự án điều chỉnh vốn	Lượt dự án							
	- Số lượt dự án điều chỉnh vốn	Triệu USD							
	- Vốn đăng ký tăng hoặc giảm								
3.	Hồ sơ góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp	Lượt							
	- Số lượt góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp	Triệu USD							
	- Giá trị góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo vốn điều lệ								
	- Giá trị góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo giá trị giao dịch dự kiến	Triệu USD							
III Tình hình cấp đăng ký đầu tư									
1.	Dự án cấp mới	Dự án							
	- Số dự án mới	Triệu USD							
	- Vốn đăng ký								
2.	Dự án điều chỉnh vốn	Lượt dự án							
	- Số lượt dự án điều chỉnh vốn	Triệu USD							
	- Vốn đăng ký tăng hoặc giảm								
3.	Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp								
	- Số lượt góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp	Lượt							

	- Giá trị góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo vốn điều lệ	Triệu USD							
	- Giá trị góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo giá trị giao dịch dự kiến	Triệu USD							
IV	Tình hình ngừng, chấm dứt hoạt động dự án								
1.	Dự án ngừng hoạt động								
	- Số dự án ngừng hoạt động	Dự án							
	- Vốn đăng ký của dự án ngừng hoạt động	Triệu USD							
2.	Dự án chấm dứt hoạt động								
	- Số dự án chấm dứt hoạt động	Dự án							
	- Vốn đăng ký của dự án chấm dứt hoạt động	Triệu USD							

Ghi chú:

Vốn đầu tư điều chỉnh: Ghi trừ đối với trường hợp vốn đăng ký điều chỉnh giảm

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu I.4.2**VĂN BẢN BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ NĂM**

*(Áp dụng đối với Cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47
Luật Đầu tư và điểm b khoản 1 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;
Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 47
Luật Đầu tư và khoản 2 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)*

**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU
TƯ/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP
TỈNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v báo cáo tình hình đầu tư
nước ngoài năm

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình đầu tư nước ngoài quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm b khoản 1 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP (đối với Cơ quan đăng ký đầu tư) hoặc điểm c khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và khoản 2 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP (đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Cơ quan đăng ký đầu tư cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin báo cáo như sau:

I. Đánh giá tình hình đầu năm

II. Dự kiến kế hoạch thu hút và giải ngân vốn đầu tư năm

Cơ quan đăng ký đầu tư cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin gửi kèm theo các tài liệu cụ thể sau:

1. Báo cáo tình hình đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh/thành phố năm .
2. Danh mục dự án đầu tư đang có nhà đầu tư quan tâm trên địa bàn tỉnh/thành phố (theo mẫu I.4.4).

Cơ quan đăng ký đầu tư cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu I.4.3

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ NĂM

(Áp dụng đối với Cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm b khoản 1 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;

Áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và khoản 2 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 10 tháng 4 năm sau năm báo cáo đối với cơ quan đăng ký đầu tư và cộng thêm 05 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có)

[CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ CẤP TỈNH/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH]

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Số liệu thực hiện năm báo cáo			Dự kiến năm sau	
			Thực hiện năm trước	Thực hiện năm báo cáo	So cùng kỳ (%)	Kế hoạch	So cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5	6 = 5/4	7	8 = 7/5
I	Tình hình hoạt động						
1.	Vốn thực hiện	Triệu USD					
	Trong đó, từ nước ngoài	Triệu USD					
2.	Doanh thu	Triệu USD					
3.	Xuất khẩu	Triệu USD					
4.	Nhập khẩu	Triệu USD					
5.	Lao động	Người					
6.	Nộp ngân sách	Triệu USD					
7.	Tình hình sử dụng năng lượng						
	- Điện	kWh					
	- Than	Tấn					

- Dầu		lít				
- Khí LNG		m ³				
- Các loại năng lượng khác (nếu có)						
II. Tình hình đăng ký đầu tư						
1. Dự án cấp mới						
- Số dự án mới		Dự án				
- Vốn đăng ký		Triệu USD				
2. Dự án điều chỉnh vốn						
- Số lượt dự án điều chỉnh vốn		Lượt dự án				
- Vốn đăng ký tăng hoặc giảm		Triệu USD				
3. Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp						
- Số lượt góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp		Lượt				
- Giá trị góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo vốn điều lệ		Triệu USD				
- Giá trị góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo giá trị giao dịch dự kiến		Triệu USD				
III. Tình hình ngừng, chấm dứt hoạt động dự án						
1. Dự án ngừng hoạt động						
- Số dự án ngừng hoạt động		Dự án				
- Vốn đăng ký của dự án ngừng hoạt động		Triệu USD				
2. Dự án chấm dứt hoạt động						
- Số dự án chấm dứt hoạt động		Dự án				
- Vốn đăng ký của dự án chấm dứt hoạt động		Triệu USD				

Ghi chú:

Vốn đầu tư điều chỉnh: Ghi trừ đối với trường hợp vốn đăng ký điều chỉnh giảm

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

(Áp dụng đối với Cơ quan đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm b khoản 1 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;

96/2026/ND-CP)

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 10 tháng 4 năm sau năm báo cáo đối với cơ quan đăng ký đầu tư và cộng thêm 5 ngày làm việc đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)

[illegible]

- Các dự án liệt kê tại báo cáo này là các dự án nhà đầu tư đã tiếp xúc với cơ quan quản lý đầu tư và có đề xuất tương đối cụ thể
- Cột 6 ngành cấp 1 theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ
- Cột 10, 11, 12 ghi số thứ tự dự án; số và ký hiệu văn bản ban hành danh mục thu hút/kêu gọi đầu tư quốc gia/ngành-lĩnh vực (nếu có)

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 15 tháng đầu của quý sau quý báo cáo)

Nơi nhận: Bộ Tài chính (Cục Đầu tư nước ngoài)

Chú thich:

Cột 9: Ngành cấp 1 theo quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHÍNH GIẤY CHÚNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ/ GIẤY TỜ CÓ GIÁ TRỊ TƯƠNG ĐƯƠNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC QUÝ NĂM

Điểm d khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và khoản 3 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 15 tháng đầu của quý sau quý báo cáo)

Nơi nhận: Bộ Tài chính (Cục Đầu tư nước ngoài)

BỘ TƯ PHÁP/BỘ CÔNG THƯƠNG/NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

STT	Mã số dự án/ Số GCNĐT/ Số Giấy tờ có giá trị tương đương	Ngày cấp	Tên dự án/doanh nghiệp	Lần điều chỉnh	Ngày điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh cụ thể			Ghi chú
						Trước khi điều chỉnh	Sau khi điều chỉnh		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	Tổng								

Chú thich:

Cột 5 lần điều chỉnh ghi lần thứ 1, thứ 2....

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

· ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Mẫu I.4.7

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TẠM NGỪNG, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC

..... QUÝ NĂM

Điểm d khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và khoản 3 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 15 tháng đầu của quý sau quý báo cáo)

Nơi nhận: Bộ Tài chính (Cục Đầu tư nước ngoài)

BỘ TƯ PHÁP/ BỘ CÔNG THƯƠNG/ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

STT	Mã số dự án/ Số GCNĐT/ Số Giấy tờ có giá trị tương đương	Ngày cấp	Tên dự án/doanh nghiệp	Vốn đầu tư đăng ký (USD)	Số QĐ/công văn tạm ngừng/chấm dứt	Ngày QĐ/công văn tạm ngừng/chấm dứt	Ghi chú (nguyên nhân tạm ngừng, chấm dứt hoạt động)
I	2	3	4	5	6	7	8
I	TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ						
II	CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ						

....., ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
 (ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu I.4.8.b**BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI NĂM***Điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm a khoản 3 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP**(Thời hạn báo cáo: trước ngày 31 tháng 5 năm sau năm báo cáo)***CỤC HẢI QUAN, BỘ TÀI CHÍNH****Nơi nhận:** Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Tài chính

STT	Mã số thuế của doanh nghiệp	Ngày cấp	Tên doanh nghiệp	Tỉnh/ Thành phố	Xuất khẩu kỳ báo cáo (USD)
1	2	3	4	5	6
	Tổng				

*....., ngày tháng năm***Thủ trưởng đơn vị***(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)***Mẫu I.4.8c****BÁO CÁO TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI NĂM***Điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm a khoản 3 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP**(Thời hạn báo cáo: trước ngày 31 tháng 5 năm sau năm báo cáo)***CỤC HẢI QUAN, BỘ TÀI CHÍNH****Nơi nhận:** Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Tài chính

STT	Mã số thuế của doanh nghiệp	Ngày cấp	Tên doanh nghiệp	Tỉnh/ Thành phố	Nhập khẩu kỳ báo cáo
1	2	3	4	5	6
	Tổng				

*....., ngày tháng năm***Thủ trưởng đơn vị***(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)*

Mẫu I.4.9.a**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ NỢP NGÂN SÁCH CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI NĂM (THEO ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ)**

Điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm a khoản 3 Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 31 tháng 5 năm sau năm báo cáo)

CỤC THUẾ, BỘ TÀI CHÍNH

Nơi nhận: Cục Đầu tư nước ngoài,
Bộ Tài chính

STT	Tỉnh/Thành phố	Nộp ngân sách (triệu VNĐ)			Số doanh nghiệp	
		Thu từ xuất, nhập khẩu	Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Lỗ	Lãi
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng					

Mẫu I.4.10.a

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC
TẠI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI NĂM**
(THEO QUỐC TỊCH)

*Điểm d khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm đ khoản 3 Điều 93 Nghị định số
96/2026/NĐ-CP*

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm báo cáo)

BỘ NỘI VỤ**Nơi nhận:** Bộ Tài chính (Cục Đầu tư nước ngoài)*Đơn vị: Người*

STT	Quốc tịch	Tổng số lao động ở thời điểm báo cáo
1	2	3
	Tổng số	

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Mẫu I.4.10.b

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI LÀM VIỆC
TẠI CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI NĂM**
(THEO ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ)

*Điểm d khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm đ khoản 3 Điều 93 Nghị định số
96/2026/NĐ-CP*

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm báo cáo)

BỘ NỘI VỤ**Nơi nhận:** Bộ Tài chính (Cục Đầu tư nước ngoài)*Đơn vị: Người*

STT	Tỉnh/Thành phố	Tổng số lao động ở thời điểm báo cáo
1	2	3
	Tổng số	

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu I.4.12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT VÀ CHO PHÉP
CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ
VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ

NĂM

Điểm c khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư và điểm g khoản 3 Điều 93 Nghị định số
 96/2026/NĐ-CP

(Thời hạn báo cáo: trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm báo cáo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Bộ Tài chính (Cục Đầu tư
 Nơi nhận: nước ngoài)
 Bộ Nông nghiệp và Môi

STT	Chỉ tiêu	Tổng số dự án	Diện tích đất (ha)
1	2	3	4
I	Giao đất không thu tiền sử dụng đất		
II	Giao đất có thu tiền sử dụng đất		
1	Đất nông nghiệp		
	- Thông qua đấu giá, đấu thầu		
	- Không qua đấu giá, đấu thầu		
2	Đất phi nông nghiệp		
	- Thông qua đấu giá, đấu thầu		
	- Không qua đấu giá, đấu thầu		
III	Cho thuê đất		
1	Đất nông nghiệp		
	- Thông qua đấu giá, đấu thầu		
	- Không qua đấu giá, đấu thầu		
2	Đất phi nông nghiệp		
	- Thông qua đấu giá, đấu thầu		
	- Không qua đấu giá, đấu thầu		
IV	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất		
	Tổng		

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
 ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu